

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG NĂM 2024

Luật Các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 05 thông qua tại ngày 18/01/2024 (sau đây gọi chung là Luật các tổ chức tín dụng năm 2024); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 02/2024/L-CTN ngày 01/02/2024; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 (trừ quy định Khoản 3 Điều 200 và khoản 15 Điều 210 của Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025) và thay thế Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung).

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG NĂM 2024¹

1. Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý

Việc xây dựng dự án Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ, cụ thể:

a) Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH ngày 05/11/2021 về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị về Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đề ra nhiệm vụ “*Nghiên cứu, xây dựng dự án Luật điều chỉnh về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, tài sản bảo đảm*” là một trong những nhiệm vụ lập pháp cần nghiên cứu, xây dựng mới và đề xuất đưa vào Chương trình xây dựng pháp luật năm 2023.

b) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII cho giai đoạn 2021-2025 nêu định hướng đột phá chiến lược: “*...(1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển...*”.

c) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới có chỉ đạo tăng cường vai trò, nâng cao trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với tư cách thành viên Chính

¹ Tờ trình số 270/TTr-CP ngày 22/5/2023 của Chính phủ về Dự án Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi).

phủ trong quản lý vĩ mô và xây dựng chính sách như sau: “*Tăng cường vai trò, nâng cao trách nhiệm của bộ trưởng với tư cách thành viên Chính phủ trong quản lý vĩ mô và xây dựng chính sách. Thực hiện nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện; từng bước xóa bỏ cơ chế phối hợp liên ngành, gắn với việc xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu. Phát huy đầy đủ vị trí, vai trò của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội; đề cao tính chủ động, sáng tạo, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, công cụ kiểm tra, giám sát, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính quốc gia. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tập trung quản lý phát triển; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân.*”

Xác định rõ và thực hiện đầy đủ vị trí, vai trò, thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ trong xây dựng pháp luật, nâng cao năng lực phản ứng chính sách; bảo đảm chủ động tham gia, phối hợp chặt chẽ, tăng cường kiểm soát của Chính phủ đối với nền hành chính quốc gia và việc thực hiện quyền lập pháp.”.

d) Nghị quyết số 63/2022/QH15 về nội dung Kỳ họp thứ 3, Quốc hội Khóa XV có nội dung “*thống nhất kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ quy định của Nghị quyết 42/2017/QH14 từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Giao Chính phủ nghiên cứu, đề xuất luật hóa các quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu cùng với việc rà soát, sửa đổi bổ sung Luật các tổ chức tín dụng, trình Quốc hội xem xét chậm nhất tại Kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023)”;*

đ) Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025 có nhiệm vụ về cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng như sau: “*Tiếp tục cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng phù hợp với nguyên tắc thị trường, bảo đảm an toàn, lành mạnh và ổn định của hệ thống; tăng cường tính minh bạch, cạnh tranh, phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển mới. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật về xử lý nợ xấu, chấm dứt tình trạng sở hữu chéo; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số trong lĩnh vực ngân hàng và phát triển những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại. Tăng cường năng lực tài chính, quản trị và chất lượng tín dụng của các tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, ổn định và bền vững;”;*

e) Nghị quyết số 33/2023/UBTVQH15 ngày 17/3/2023 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về Phiên họp thứ 21, theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết nghị việc bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 để trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023) và thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023) đối với dự án Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi);

g) Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nhiệm vụ như sau: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số... Tiếp tục cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu”*;

h) Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ phiên họp Chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 12 năm 2022 đã quyết nghị đối với dự án Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) như sau: *“Về cơ bản thống nhất về sự cần thiết, mục tiêu, quan điểm xây dựng Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi)...tiếp tục tổng kết, đánh giá kỹ lưỡng việc thực hiện Luật các tổ chức tín dụng hiện hành; xác định rõ, đầy đủ các bất cập, vướng mắc là do quy định của Luật hay do quá trình tổ chức thực hiện để đề xuất giải pháp sửa đổi, bổ sung phù hợp. Trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành, nghiên cứu, rà soát để luật hóa các vấn đề đã chín, đã rõ được thực tiễn chứng minh là đúng trong hoạt động ngân hàng; đánh giá tác động các đề xuất chính sách mới một cách khoa học, bài bản, đúng quy định để làm rõ mục tiêu, giải pháp chính sách chủ yếu của Luật, đối với vấn đề mới cần thiết thì thí điểm, có công cụ điều chỉnh để điều chỉnh, xử lý các vấn đề bất cập, tồn đọng, bảo đảm an toàn của hệ thống ngân hàng”*;

i) Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 31/3/2023 của Chính phủ phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 3 năm 2023 đã quyết nghị đối với dự án Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) như sau: *“Chính phủ cơ bản thống nhất với nội dung dự án Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi); giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, hoàn thiện dự án Luật, bảo đảm... việc xây dựng dự án Luật này phải thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực ngân hàng và các yêu cầu, định hướng, chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ...”*;

k) Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *“Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”* có nhiệm vụ, giải pháp như sau: *“Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tiền tệ, ngân hàng trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế và đáp ứng yêu cầu hội nhập: -*

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định về bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng, cấp phép, thanh tra, giám sát và xử lý sau thanh tra, giám sát theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn của Việt Nam; tăng cường trách nhiệm, tăng tính công khai, minh bạch trong quản trị và hoạt động của các tổ chức tín dụng, phù hợp với yêu cầu của cơ cấu lại các tổ chức tín dụng trong từng giai đoạn; Xây dựng cơ chế hỗ trợ các tổ chức tín dụng được chỉ định tiếp nhận, quản lý tổ chức tín dụng yếu kém và các tổ chức tín dụng tham gia tái cơ cấu; xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro, cơ chế xử lý khủng hoảng hệ thống và xử lý các tổ chức tín dụng tiềm ẩn rủi ro cao, bảo đảm quyền can thiệp của Ngân hàng Nhà nước nhằm bảo vệ sự an toàn hệ thống và an toàn tiền gửi của người dân; sửa đổi, bổ sung các quy định về tăng cường xử lý sở hữu chéo, ngăn ngừa việc lạm dụng quyền quản trị, điều hành, quyền cổ đông lớn để thao túng hoạt động của tổ chức tín dụng; hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về sáp nhập, hợp nhất, phá sản tổ chức tín dụng; Hoàn thiện thể chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức tín dụng cung ứng đầy đủ, đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính, nhất là sản phẩm dịch vụ ngân hàng phi tín dụng và các sản phẩm dịch vụ hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế;”

1) Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” có giải pháp như sau: *“Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tạo môi trường thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu tài chính toàn diện: Nghiên cứu, ban hành quy định về đại lý ngân hàng, theo đó cho phép ngân hàng được giao cho các chủ thể không phải ngân hàng làm đại lý, cung ứng một số sản phẩm, dịch vụ ngân hàng theo ủy thác của ngân hàng để hưởng hoa hồng; Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính, nhất là những sản phẩm, dịch vụ dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ số nhằm tạo hành lang pháp lý ổn định, đầy đủ, kịp thời cho các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính; Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế vào hoạt động tài chính vi mô; xây dựng và phát triển hệ thống các tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, hiệu quả, mở rộng sự tiếp cận dịch vụ tài chính cho người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ;”*;

m) Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” có giải pháp như sau: *“Nghiên cứu, xây dựng và bổ sung cơ chế hỗ trợ cho các TCTD tham gia cơ cấu lại các TCTD yếu kém để hạn chế*

tối đa tác động tiêu cực đến tài chính và hoạt động; Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về ngăn ngừa sở hữu chéo, ngăn ngừa việc lạm dụng quyền quản trị, điều hành, quyền cổ đông lớn để thao túng hoạt động của TCTD theo hướng giảm tỷ lệ nắm giữ của 01 cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông để hạn chế việc chi phối, thâm tóm, đảm bảo tính đại chúng của TCTD; Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, quy định về an toàn hoạt động, quản lý, điều hành, quản trị rủi ro và các quy định khác đối với hệ thống QTDND phù hợp với Luật Các TCTD (đã sửa đổi, bổ sung); Về quy định cấp phép thành lập mới và phát triển mạng lưới các TCTD: Rà soát, bổ sung các quy định hiện hành về điều kiện cấp phép, tổ chức và hoạt động (đặc biệt là các tiêu chí về tài chính, năng lực quản trị, điều hành và tuân thủ pháp luật) của TCTD nói chung, TCTD 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nói riêng”.

2. Cơ sở thực tiễn trong quá trình thi hành Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng

a) Đối với Luật Các tổ chức tín dụng

Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng (sau đây gọi chung là Luật các TCTD) đã có những đóng góp quan trọng trong công tác quản lý cũng như tạo môi trường pháp lý ổn định cho hoạt động của hệ thống ngân hàng. Luật các TCTD đã tạo hành lang pháp lý cần thiết cho hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD), tạo cơ sở để các TCTD nâng cao chất lượng công tác quản trị, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tiếp cận dần với những chuẩn mực và thông lệ quốc tế trong hoạt động ngân hàng.

Bên cạnh đó, Luật các TCTD đã tạo hành lang pháp lý để kiểm soát an toàn hệ thống các TCTD. Các TCTD yếu kém được nhận diện và được cơ cấu lại, không để xảy ra đổ vỡ TCTD ngoài tầm kiểm soát. Các ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước vừa chủ động thực hiện tự cơ cấu lại vừa tích cực tham gia quá trình cơ cấu lại các TCTD yếu kém, duy trì vị trí chủ đạo, vai trò trụ cột trong việc giữ ổn định hệ thống, dẫn dắt thị trường và tiên phong thực hiện chủ trương, chính sách của nhà nước nói chung và của Ngân hàng Nhà nước nói riêng.

Trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và yêu cầu thực tiễn ngày càng đa dạng của người sử dụng dịch vụ thanh toán, Luật các TCTD đã có một số quy định về hoạt động thanh toán như đối tượng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản, cung ứng phương tiện thanh toán, tham gia các hệ thống thanh toán,... trên cơ sở các quy định tại Luật các TCTD, Nghị định

101/2012/NĐ-CP của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt (đã được sửa đổi, bổ sung), tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

Qua hơn 12 năm thực hiện, Luật các TCTD và các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết đã góp phần lành mạnh hóa hoạt động của các tổ chức tín dụng, hoàn thiện cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cũng như tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động thanh tra, giám sát hệ thống các TCTD. Các quy định của Luật các TCTD đã chứng minh được sự phù hợp với thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu quản lý và định hướng cho hoạt động, phát triển các TCTD trong một thời kỳ khá dài, góp phần tạo sự ổn định về môi trường pháp lý cho hoạt động ngân hàng.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, sau hơn 12 năm thực hiện với một lần sửa đổi, bổ sung vào năm 2017, một số quy định tại Luật đã không còn phù hợp với sự thay đổi của thực tiễn. Bên cạnh đó, yêu cầu về tăng cường chất lượng quản trị, điều hành TCTD đáp ứng với tình hình mới và chuẩn mực quốc tế đặt ra vấn đề cần phải xem xét để sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật các TCTD năm 2010, cụ thể:

- Các quy định về tổ chức, quản trị, điều hành và hoạt động của TCTD: trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc như quy định về nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, quy định về kiểm toán độc lập, vướng mắc liên quan đến áp dụng quy định của Luật này và Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã,... Bên cạnh đó, cần tiếp tục rà soát các quy định tại Luật để sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành của TCTD, hạn chế sở hữu chéo, quy định về tổ chức, quản trị, điều hành của Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) cần tiếp tục rà soát, tham khảo kinh nghiệm, thông lệ quốc tế để sửa đổi, bổ sung phù hợp với sự phát triển của hệ thống QTDND...

- Về hoạt động của TCTD, một số nghiệp vụ mới phát sinh của TCTD cần được quy định tại Luật để có cơ sở thực hiện như hoạt động ngân quỹ, hoạt động giao đại lý thanh toán... Bên cạnh đó, sự phát triển của công nghệ, kỹ thuật trong lĩnh vực ngân hàng đặt ra yêu cầu phải rà soát các quy định tại Luật để đảm bảo hành lang pháp lý cho việc triển khai thực hiện các hoạt động ngân hàng bằng phương tiện điện tử (số hóa hoạt động ngân hàng).

- Các quy định về xử lý TCTD yếu kém đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2017, tuy nhiên, trong quá trình triển khai thi hành, một số quy định tại Luật Các TCTD cần phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung cho phù hợp như quy định về khoản vay đặc biệt, tài sản bảo đảm khoản vay đặc biệt, kiểm soát đặc biệt TCTD...

Ngoài ra, trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu thời gian qua (*theo các Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 và Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 31/5/2013; Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ*), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025*”, nghiên cứu, tổng kết đề rà soát, sửa đổi quy định tại Luật các TCTD, từ đó tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất và đồng bộ về cơ cấu lại hệ thống các TCTD và xử lý nợ xấu trong giai đoạn tiếp theo.

b) Đối với Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng

Sau 05 năm thực hiện, các quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD (Nghị quyết số 42/2017/QH14) đã tạo ra khung khổ pháp lý cần thiết cho công tác xử lý nợ xấu của các TCTD, Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC). Việc thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã mang lại những chuyển biến tích cực trong công tác xử lý nợ xấu và góp phần không nhỏ vào kết quả công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020.

Xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42 đã đạt kết quả tích cực, thể hiện thông qua việc khách hàng tự nguyện trả nợ tăng mạnh, phản ánh ý thức trả nợ của khách hàng đã cải thiện. Khách hàng cũng chủ động và hợp tác hơn trong việc trả nợ TCTD, hạn chế tình trạng chủ tài sản cố ý chây ì, chống đối nhằm kéo dài thời gian xử lý nợ xấu, góp phần tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sự phối hợp giữa các cá nhân, tổ chức, các cơ quan hữu quan với TCTD trong công tác xử lý nợ xấu.

Ngày 11/5/2022, Chính phủ đã có Báo cáo số 174/BC-CP về việc tổng kết thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD, trong đó nêu rõ những kết quả đạt được và những vấn đề còn tồn tại khó khăn, vướng mắc. Với kết quả đạt được, Chính phủ đề xuất được kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14.

Ngày 16/6/2022, Nghị quyết số 63/2022/QH15 về kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV đã quyết định cho phép kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ quy định của Nghị quyết 42/2017/QH14 từ ngày 15/8/2022 đến hết ngày 31/12/2023 và giao Chính phủ nghiên cứu, đề xuất luật hóa các quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu cùng với việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD, trình Quốc hội xem xét chậm nhất tại Kỳ họp thứ 5 (Tháng 5/2023).

Triển khai chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện báo cáo về việc hoàn thiện cập nhật, bổ sung các số liệu tổng kết Nghị quyết số 42/2017/QH14, trong đó tiếp tục tổng kết, báo cáo tình hình nợ xấu và kết quả xử lý nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của hệ thống các TCTD cho đến thời điểm 31/12/2022) (Báo cáo trình kèm theo).

Như vậy, qua 06 năm triển khai thực hiện, một số quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã cho thấy hiệu quả và tác động tích cực tới quá trình xử lý nợ xấu của TCTD. Với quá trình được kiểm nghiệm từ thực tiễn và với những kết quả đạt được, những quy định này tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 cần được nghiên cứu để luật hóa tại dự thảo Luật các TCTD (sửa đổi), đồng thời được rà soát để hoàn thiện thêm, đảm bảo khắc phục được các khó khăn, vướng mắc phát sinh trên thực tiễn.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG NĂM 2024

Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (*sau đây viết tắt là Luật năm 2024*) gồm 15 Chương và 210 Điều, cụ thể như sau:

1. Chương I: Những quy định chung, gồm 15 Điều (*từ Điều 1 đến Điều 15*), quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Áp dụng tập quán thương mại; (4) Giải thích từ ngữ; (5) Sử dụng từ ngữ liên quan đến hoạt động ngân hàng; (6) Hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng; (7) Quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh; (8) Quyền hoạt động ngân hàng; (9) Hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng; (10) Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng; (11) Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng; (12) Cung cấp thông tin; (13) Bảo mật thông tin; (14) An toàn dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục; (15) Hành vi bị nghiêm cấm.

2. Chương II: Ngân hàng chính sách, gồm 11 Điều (*từ Điều 16 đến Điều 26*), quy định về: (1) Thành lập, hoạt động và quản lý nhà nước đối với ngân hàng chính sách; (2) Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu nhà nước của ngân hàng chính sách; (3) Vốn điều lệ của ngân hàng chính sách; (4) Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng chính sách; (5) Hội đồng quản trị của ngân hàng chính sách; (6) Ban kiểm soát của ngân hàng chính sách; (7) Tổng giám đốc của ngân hàng chính sách; (8) Bảo đảm hoạt động của ngân hàng chính sách; (9) Kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, báo cáo của ngân hàng chính sách; (10) Xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của ngân hàng chính sách; (11) Cơ chế tài chính, tiền lương, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách.

3. Chương III: Giấy phép, gồm 11 Điều (*từ Điều 27 đến Điều 37*), quy

định về: (1) Thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép; (2) Văn pháp định; (3) Điều kiện cấp Giấy phép; (4) Hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép; (5) Thời hạn cấp Giấy phép; (6) Lệ phí cấp Giấy phép; (7) Công bố thông tin về khai trương hoạt động; (8) Điều kiện khai trương hoạt động; (9) Sử dụng Giấy phép; (10) Thu hồi Giấy phép; (11) Những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

4. Chương IV: Tổ chức, quản trị, điều hành của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, gồm 07 Mục, 61 Điều (từ Điều 38 đến Điều 98), cụ thể:

- **Mục 1: Quy định chung**, quy định về: (1) Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại của tổ chức tín dụng; (2) Điều lệ của tổ chức tín dụng; (3) Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng; (4) Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ; (5) Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ; (6) Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng; (7) Những trường hợp đương nhiên mất tư cách; (8) Miễn nhiệm, bãi nhiệm; (9) Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và người điều hành tổ chức tín dụng; (10) Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; (11) Cung cấp, công bố công khai thông tin.

- **Mục 2: Quy định chung đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn**, quy định về: (1) Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; (2) Ban kiểm soát; (3) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; (4) Quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát; (5) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát; (6) Tổng giám đốc (Giám đốc); (7) Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc); (8) Hệ thống kiểm soát nội bộ; (9) Kiểm toán nội bộ; (10) Kiểm toán độc lập.

- **Mục 3: Tổ chức tín dụng là công ty cổ phần**, quy định về: (1) Các loại cổ phần, cổ đông; (2) Quyền của cổ đông phổ thông; (3) Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông; (4) Tỷ lệ sở hữu cổ phần; (5) Chào bán và chuyển nhượng cổ phần; (6) Mua lại cổ phần của cổ đông; (7) Cổ phiếu; (8) Đại hội đồng cổ đông; (9) Báo cáo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; (10) Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần; (11) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần; (12) Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần; (13) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần.

- **Mục 4: Tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành**

viên, quy định về: (1) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; (2) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; (3) Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; (4) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- **Mục 5: Tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**, quy định về: (1) Quyền, nghĩa vụ của thành viên góp vốn ; (2) Chuyển nhượng phần vốn góp; (3) Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

- **Mục 6: Tổ chức tín dụng là hợp tác xã**, quy định về: (1) Tính chất và mục tiêu hoạt động; (2) Thành viên của tổ chức tín dụng là hợp tác xã; (3) Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng là hợp tác xã; (4) Vốn điều lệ; (5) Quyền của thành viên; (6) Nghĩa vụ của thành viên; (7) Đại hội thành viên; (8) Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là hợp tác xã; (9) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là hợp tác xã; (10) Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là hợp tác xã; (11) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là hợp tác xã; (12) Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng là hợp tác xã; (13) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng là hợp tác xã; (14) Quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát của tổ chức tín dụng là hợp tác xã; (15) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng là hợp tác xã; (16) Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

- **Mục 7: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài**, quy định về: (1) Cơ cấu tổ chức quản lý của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (2) Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

5. Chương V: Hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, gồm 07 Mục, 33 Điều (từ Điều 99 đến Điều 131), cụ thể:

- **Mục 1: Quy định chung về hoạt động của tổ chức tín dụng**, quy định về: (1) Nội dung hoạt động được phép của tổ chức tín dụng; (2) Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng; (3) Quy định nội bộ; (4) Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng vốn vay, tài sản cho thuê tài chính; (5) Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi; (6) Lưu trữ hồ sơ tín dụng; (7) Giao dịch điện tử trong hoạt động của tổ chức tín dụng; (8) Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng.

- **Mục 2: Hoạt động của ngân hàng thương mại**, quy định về: (1) Hoạt

động ngân hàng của ngân hàng thương mại; (2) Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của ngân hàng thương mại; (3) Mở tài khoản của ngân hàng thương mại; (4) Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán của ngân hàng thương mại; (5) Góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại; (6) Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh của ngân hàng thương mại; (7) Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của ngân hàng thương mại; (8) Các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại.

- **Mục 3: Hoạt động của công ty tài chính tổng hợp**, quy định về: (1) Hoạt động ngân hàng của công ty tài chính tổng hợp; (2) Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của công ty tài chính tổng hợp; (3) Mở tài khoản của công ty tài chính tổng hợp; (4) Góp vốn, mua cổ phần của công ty tài chính tổng hợp; (5) Các hoạt động kinh doanh khác của công ty tài chính tổng hợp.

- **Mục 4: Hoạt động của công ty tài chính chuyên ngành**, quy định về: (1) Hoạt động ngân hàng của công ty tài chính chuyên ngành; (2) Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của công ty tài chính chuyên ngành; (3) Mở tài khoản của công ty tài chính chuyên ngành; (4) Góp vốn, mua cổ phần của công ty tài chính chuyên ngành; (5) Các hoạt động kinh doanh khác của công ty tài chính chuyên ngành.

- **Mục 5: Hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã**, quy định về: (1) Hoạt động của ngân hàng hợp tác xã; (2) Hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

- **Mục 6: Hoạt động của tổ chức tài chính vi mô**, quy định về: (1) Hoạt động ngân hàng của tổ chức tài chính vi mô; (2) Mở tài khoản của tổ chức tài chính vi mô; (3) Vay, gửi tiền của tổ chức tài chính vi mô; (4) Hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tài chính vi mô.

- **Mục 7: Hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài**, quy định về: Hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài

6. Chương VI: Văn phòng đại diện nước ngoài, gồm 02 Điều, quy định về: (1) Thành lập văn phòng đại diện nước ngoài; (2) Hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài.

7. Chương VII: Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, gồm 10 Điều (từ Điều 132 đến Điều 143), quy định về: (1) Những trường hợp không được cấp tín dụng; (2) Hạn chế cấp tín dụng; (3) Giới hạn cấp tín dụng; (4) Giới hạn góp vốn, mua cổ phần; (5) Tỷ lệ bảo đảm an toàn; (6) Kinh doanh bất động sản; (7) Yêu cầu bảo đảm an toàn giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng; (8) Quyền, nghĩa vụ của công ty kiểm soát; (9) Góp vốn, mua cổ phần giữa các công ty con, công ty liên kết, công ty kiểm soát; (10) Xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường

hợp được can thiệp sớm.

8. Chương VIII: Tài chính, hạch toán, báo cáo, gồm 12 Điều (*từ Điều 144 đến Điều 155*), quy định về: (1) Vốn và sử dụng vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (2) Doanh thu và nguyên tắc ghi nhận doanh thu; (3) Chi phí và nguyên tắc ghi nhận chi phí; (4) Dự phòng rủi ro; (5) Phân phối lợi nhuận và các quỹ; (6) Năm tài chính; (7) Hạch toán, kế toán; (8) Chế độ tài chính; (9) Báo cáo; (10) Báo cáo của công ty kiểm soát; (11) Công khai báo cáo tài chính; (12) Chuyển lợi nhuận, chuyển tài sản ra nước ngoài.

9. Chương IX: Can thiệp sớm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, gồm 6 Điều (*từ Điều 156 đến Điều 161*), quy định về: (1) Thực hiện can thiệp sớm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (2) Các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm; (3) Xây dựng, cập nhật, thông qua phương án khắc phục; (4) Biện pháp hỗ trợ tổ chức tín dụng được can thiệp sớm; (5) Thực hiện phương án khắc phục; (6) Chấm dứt can thiệp sớm.

10. Chương X: Kiểm soát đặc biệt TCTD, gồm 05 Mục, 29 Điều (*từ Điều 162 đến Điều 190*), cụ thể:

- **Mục 1: Quy định chung**, quy định về: (1) Áp dụng kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng; (2) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; (3) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát đặc biệt; (4) Trách nhiệm của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; (5) Quản trị, điều hành và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; (6) Đánh giá thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; (7) Chấm dứt kiểm soát đặc biệt.

- **Mục 2: Phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt**, quy định về: (1) Xây dựng và phê duyệt phương án phục hồi; (2) Nội dung phương án phục hồi; (3) Biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án phục hồi; (4) Tổ chức thực hiện phương án phục hồi; (5) Điều kiện đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ; (6) Quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng hỗ trợ.

- **Mục 3: Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt**, quy định về: (1) Sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; (2) Xây dựng và phê duyệt phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp; (3) Nội dung phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp; (4) Tổ chức thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp.

- **Mục 4: Phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt**, quy định về: (1) Xây dựng, phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt trong trường hợp có văn bản đề nghị của bên nhận chuyển giao bắt buộc; (2) Xây dựng, phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt trong trường hợp chỉ định bên nhận chuyển giao bắt buộc; (3) Nội dung phương án chuyển giao bắt buộc; (4) Biện pháp hỗ trợ đối với ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc; (5) Tổ chức thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc; (5) Bên nhận chuyển giao bắt buộc; (6) Xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn.

- **Mục 5: Phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt**, quy định về: (1) Giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; (2) Phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; (3) Nội dung phương án phá sản; (4) Tổ chức thực hiện phương án phá sản.

11. Chương XI: Xử lý trường hợp TCTD bị rút tiền hàng loạt; vay, cho vay đặc biệt, gồm 04 Điều (từ Điều 191 đến Điều 194), quy định về: (1) Xử lý trường hợp tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt; (2) Các trường hợp được vay đặc biệt; (3) Thẩm quyền quyết định cho vay, lãi suất và tài sản bảo đảm của khoản vay đặc biệt; (4) Nguyên tắc xử lý khoản vay đặc biệt.

12. Chương XII: Xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm, gồm 06 Điều (từ Điều 195 đến Điều 200), quy định về: (1) Nợ xấu; (2) Bán nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu; (3) Mua, bán nợ xấu của tổ chức mua bán, xử lý nợ; (4) Mua, bán khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai; (5) Thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu; (6) Chuyển nhượng tài sản bảo đảm.

13. Chương XIII: Tổ chức lại, giải thể, phá sản, thanh lý, phong tỏa vốn, tài sản, gồm 05 Điều (từ Điều 201 đến Điều 205), quy định về: (1) Tổ chức lại tổ chức tín dụng; (2) Trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (3) Phá sản tổ chức tín dụng; (4) Thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động; (5) Phong tỏa vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

14. Chương XIV: Quản lý nhà nước gồm 03 Điều (từ Điều 206 đến Điều 208), quy định về: (1) Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước; (2) Thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát; (3) Quyền, nghĩa vụ của đối tượng thanh tra, giám sát.

15. Chương XV. Điều khoản thi hành gồm 02 Điều (*từ Điều 209 đến Điều 210*), quy định về: (1) Hiệu lực thi hành; (2) Quy định chuyên tiếp.

Như vậy, so với Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (*sau đây viết tắt là Luật năm 2010*), Luật năm 2024 bổ sung 04 Chương, cụ thể: quy định một chương riêng về ngân hàng chính sách - Chương II (*Luật năm 2010 chỉ quy định một Điều – Điều 17 về ngân hàng chính sách*); quy định một chương riêng về can thiệp sớm - Chương IX (*Luật năm 2010 chỉ quy định một điều về can thiệp sớm – Điều 130^a*); bổ sung một chương riêng quy định về xử lý trường hợp TCTD bị rút tiền hàng loạt, cho vay đặc biệt tại Chương XI (*Luật năm 2010 quy định về cho vay đặc biệt thuộc chương về kiểm soát đặc biệt và chưa có quy định về xử lý trường hợp TCTD bị rút tiền hàng loạt*); bổ sung một chương riêng quy định về xử lý nợ xấu tài sản bảo đảm – Chương XII trên cơ sở Luật hóa một số quy định tại Nghị quyết 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG NĂM 2024

Luật năm 2024 có một số điểm mới, cụ thể như sau:

1. Hoàn thiện quy định về nâng cao yêu cầu quản trị, điều hành, hạn chế lạm dụng quyền cổ đông lớn, quyền quản trị, điều hành để thao túng hoạt động của TCTD

- Để nâng cao năng lực quản trị, điều hành, minh bạch hóa hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, hạn chế tình trạng thao túng, chi phối hoạt động của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn tại TCTD, Luật năm 2024 sửa đổi, bổ sung khái niệm về người có liên quan, trong đó bổ sung trường hợp người có liên quan là: công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; TCTD với công ty con của công ty con của TCTD và ngược lại; cá nhân với ông, bà nội, ông, bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo hướng giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần của 01 cổ đông là tổ chức tại TCTD từ 15% xuống 10%; từ 20% xuống 15% với một cổ đông và người có liên quan. Bên cạnh đó, Luật cũng quy định rõ tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là cá nhân, tổ chức bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp, là số cổ phần sở hữu thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% vốn điều lệ. Việc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần nhằm giảm thiểu rủi ro chi phối hoạt động quản trị, điều hành, cấp tín dụng của TCTD. Bên cạnh đó, việc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là tổ chức, nhóm cổ đông và người có liên quan cũng nhằm gia tăng số lượng các

cổ đông, gia tăng tính đại chúng cũng như đa dạng hóa cơ cấu cổ đông của các TCTD. Đối với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, kế thừa quy định tại Luật năm 2010, để đảm bảo tuân thủ các cam kết, điều ước quốc tế trong từng thời kỳ, Luật giao Chính phủ quy định nội dung này.

- Theo quy định pháp luật hiện hành, chỉ cổ đông lớn (*cổ đông sở hữu từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của TCTD*) có trách nhiệm công bố thông tin. Để đảm bảo minh bạch thông tin cổ đông, đồng thời với việc giảm giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần, Luật cũng bổ sung quy định trách nhiệm cung cấp, công bố công khai thông tin của cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ của TCTD trở lên. Theo đó, cổ đông sẽ phải cung cấp thông tin cho TCTD, bao gồm cả thông tin về người có liên quan, số lượng tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan tại TCTD. TCTD phải niêm yết, lưu giữ thông tin tại trụ sở chính, báo cáo ngân hàng nhà nước, công bố công khai thông tin trên trang thông tin điện tử của TCTD trong thời hạn 07 ngày làm việc và định kỳ hàng năm, công bố thông tin với Đại hội cổ đông.

- Sửa đổi, bổ sung quy định để bảo đảm quyền lợi của cổ đông (nhất là cổ đông thiểu số) trong việc tham gia quản lý, điều hành TCTD, như: bổ sung quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*Luật năm 2010 không quy định tỷ lệ này mà thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, trong đó Luật doanh nghiệp đang quy định tỷ lệ này là 10%*); sửa đổi, bổ sung quy định về quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng (*bỏ điều kiện “trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng”*).

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện người quản lý, điều hành của TCTD, nâng cao tính độc lập, vai trò của thành viên Hội đồng quản trị độc lập; thành viên Ban kiểm soát của TCTD, cụ thể:

+ Về thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Để nâng cao tính độc lập của chức danh này, Luật năm 2024 bổ sung quy định: thành viên HĐQT không được đồng thời là người điều hành TCTD đó, người điều hành của TCTD khác, người quản lý trên 02 doanh nghiệp (khoản 3 Điều 43); sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập, theo đó thành viên HĐQT độc lập không đại diện sở hữu cổ phần của TCTD đó (*Luật năm 2010 chỉ hạn chế đối với trường hợp đại diện sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết từ 01% vốn điều lệ trở lên của TCTD*); và không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng

đó (*Luật năm 2010 quy định tỷ lệ sở hữu cổ phần trên là 05%*) (điểm d khoản 2 Điều 41).

+ Về thành viên Ban kiểm soát của TCTD: Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu để thực hiện giám sát hoạt động quản trị, điều hành của TCTD trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, hội đồng quản trị, hội đồng thành viên. Luật năm 2024 bổ sung yêu cầu đối với thành viên Ban kiểm soát của TCTD để tăng cường hơn nữa tính độc lập; đồng thời Luật cũng không phân loại thành viên Ban kiểm soát bao gồm thành viên Ban kiểm soát chuyên trách và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, mà quy định các yêu cầu, tiêu chuẩn đối với tất cả thành viên Ban kiểm soát của TCTD hoạt động như thành viên Ban kiểm soát chuyên trách. Cụ thể thành viên Ban kiểm soát của TCTD không được đồng thời là người quản lý, người điều hành của TCTD đó, TCTD khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của TCTD đó hoặc công ty con của TCTD đó; nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng thành viên của TCTD là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định để xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh thời gian qua, đơn giản hóa quy trình, thủ tục thành lập TCTD, cụ thể:

+ Để xử lý một số vướng mắc trong việc xác định mức giá trị thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên đối với một số hợp đồng, giao dịch tại TCTD, Luật đã sửa đổi, bổ sung làm rõ quy định về cách thức xác định mức giá trị như: Đối với phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của TCTD tại doanh nghiệp, mức giá trị xác định theo giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp...

+ Về TCTD là hợp tác xã, Luật Hợp tác xã hiện nay quy định đối với HTX, liên hiệp HTX có tổng số thành viên chính thức trên 1.000 thành viên, đại biểu tham dự Đại hội đại biểu không được ít hơn 200 đại biểu. Điều này gây khó khăn cho các quỹ tín dụng nhân dân trong việc tìm kiếm trụ sở phòng họp để tổ chức Đại hội đại biểu, do số lượng thành viên các quỹ thường rất lớn (>1000 thành viên), trong khi đó, quy mô của quỹ nhỏ, việc tổ chức các cuộc họp của quỹ chủ yếu mượn trụ sở của UBND xã để thực hiện. Để tháo gỡ khó khăn nhưng vẫn đảm bảo Đại hội đại biểu thể hiện được ý kiến, nguyện vọng của thành viên, Luật năm 2024 quy định số lượng đại biểu tham dự do Điều lệ quy định nhưng không ít hơn 100 đại biểu (khoản 2 Điều 86).

+ Bổ quy định cơ cấu tổ chức, quản lý của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước khi thực hiện mà quy định nguyên tắc cơ cấu tổ chức, quản lý của chi nhánh ngân hàng nước ngoài do ngân

hàng nước ngoài quyết định và tuân thủ quy định của Luật năm 2024 về điều hành, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán độc lập...

- Để phù hợp với định hướng chung của Đảng, Nhà nước trong việc cắt giảm thủ tục hành chính, Luật năm 2024 quy định Giấy phép thành lập, hoạt động của TCTD đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài; văn bản chấp thuận việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước của TCTD đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. Việc hợp nhất các Giấy phép và thủ tục này nhằm giảm bớt thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Đồng thời, để đảm bảo liên thông thông tin giữa cơ quan quản lý và cơ quan về đăng ký kinh doanh, Luật năm 2024 quy định:

+ Ngân hàng Nhà nước quy định việc thông báo thông tin về việc cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép, thông tin về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và các thông tin có liên quan cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã (khoản 4 Điều 29).

+ Khoản 3 Điều 11 của Luật năm 2024 quy định TCTD phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về người đại diện theo pháp luật của TCTD trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo người đại diện theo pháp luật của TCTD cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Luật hóa một số quy định mang tính nguyên tắc về tổ chức, hoạt động của ngân hàng chính sách hiện đang được quy định tại Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ như: quy định về thành lập và hoạt động của ngân hàng chính sách, quy định về chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu nhà nước, vốn điều lệ, cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng chính sách... Đối với các nội dung cụ thể, Luật giao Chính phủ quy định để bảo đảm phù hợp với tính chất, mô hình hoạt động của từng ngân hàng chính sách.

2. Hoàn thiện quy định về hoạt động và bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD và quỹ tín dụng nhân dân

- Luật năm 2024 quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hướng rõ ràng, minh bạch, xử lý các

khó khăn, vướng mắc, đồng thời tạo cơ sở để TCTD đổi mới hoạt động đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và nâng cao năng lực cạnh tranh, cụ thể:

+ Bổ sung quy định về các hoạt động mới phù hợp với thực tiễn hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như: hoạt động ngân quỹ, hoạt động giao đại lý trong lĩnh vực thanh toán...

+ Sửa đổi, bổ sung, làm rõ khái niệm một số hoạt động để đảm bảo cụ thể, phù hợp với phạm vi hoạt động của TCTD, phù hợp thông lệ quốc tế, như:

+) *Thư tín dụng*: thời gian qua có những vướng mắc liên quan đến việc xác định bản chất hoạt động thư tín dụng là hoạt động cấp tín dụng hay hoạt động thanh toán. Qua nghiên cứu, rà soát pháp luật, thông lệ quốc tế về thư tín dụng, các nghiệp vụ chính như phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán, hoàn trả thư tín dụng bản chất là hoạt động cấp tín dụng. Ngoài ra có một số dịch vụ khác liên quan thư tín dụng.

Để đảm bảo rõ ràng, Luật năm 2024 sửa đổi, bổ sung các quy định về thư tín dụng, trong đó bổ sung thư tín dụng là một trong các nghiệp vụ cấp tín dụng của TCTD (khoản 4 Điều 4); bổ sung khái niệm thư tín dụng là hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán, hoàn trả thư tín dụng (khoản 36 Điều 4); bỏ cụm từ “thư tín dụng” trong khái niệm cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản (khoản 14 Điều 4); bổ sung tại các hoạt động khác của ngân hàng thương mại dịch vụ khác liên quan đến thư tín dụng (điểm e khoản 1 Điều 114).

+) *Bao thanh toán*: Luật năm 2024 điều chỉnh khái niệm bao thanh toán, bỏ quy định “có bảo lưu quyền truy đòi” (khoản 1 Điều 4), đồng thời bổ sung tại các hoạt động cung ứng dịch vụ khác của ngân hàng thương mại liên quan đến bao thanh toán (điểm e khoản 1 Điều 114).

+) *Nghiệp vụ đại lý, tư vấn*: Các nghiệp vụ về đại lý, tư vấn được quy định tại Luật năm 2010 có phạm vi rất rộng và cũng chưa có văn bản nào quy định về các hoạt động này, điều này dẫn tới những cách hiểu, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện. Luật năm 2024 đã làm rõ các nghiệp vụ này theo hướng gắn với các hoạt động chính của TCTD như: điều chỉnh nghiệp vụ đại lý từ “đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, quản lý tài sản” thành “đại lý trong hoạt động ngân hàng”; bỏ nghiệp vụ “tư vấn ngân hàng tài chính, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư” (là các nghiệp vụ không có quy định của pháp luật điều chỉnh và chưa xác định được cơ quan quản lý) thay bằng nghiệp vụ “tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép”. Theo đó,

TCTD sẽ được thực hiện các nghiệp vụ đại lý, tư vấn gắn liền với các hoạt động TCTD được thực hiện và theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay, cụ thể:

+) Bổ sung quy định giảm bớt thủ tục, yêu cầu hồ sơ đối với các khoản cấp tín dụng có mức giá trị nhỏ (*không quy định TCTD phải yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin, chỉ quy định TCTD phải có tối thiểu thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính của khách hàng trước khi cấp tín dụng, theo đó TCTD có thể yêu cầu khách hàng cung cấp hoặc thu thập thông tin từ các nguồn thông tin, dữ liệu thu thập được; không yêu cầu thông tin về phương án sử dụng vốn hợp pháp*), bao gồm các khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, khoản cấp tín dụng qua thẻ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Khoản cho thuê tài chính, khoản cho vay tiêu dùng, khoản cấp tín dụng qua thẻ của TCTD phi ngân hàng... Luật giao Thông đốc Ngân hàng Nhà nước quy định mức giá trị nhỏ của khoản cấp tín dụng được áp dụng tại khoản 2 Điều 102.

Bên cạnh đó, để phù hợp với đặc thù của các khoản vay nhỏ, Luật cũng giao Thông đốc NHNN quy định việc kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay, tài sản cho thuê tài chính và trả nợ của khách hàng quy định tại Điều 102 (khoản 8).

+) Bổ sung quy định trách nhiệm khách hàng phải cung cấp thông tin về người có liên quan cho TCTD khi đề nghị cấp tín dụng. Quy định này tạo cơ sở để TCTD có thông tin xây dựng dữ liệu về người có liên quan của khách hàng, qua đó đảm bảo tuân thủ các quy định về giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động của TCTD. Bên cạnh đó, Khoản 8 Điều 102 giao Thông đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc xác định khách hàng phải cung cấp thông tin về người có liên quan và nội dung thông tin phải cung cấp cho TCTD khi đề nghị cấp tín dụng. Theo quy định này, Thông đốc Ngân hàng Nhà nước sẽ quy định phạm vi khách hàng phải cung cấp thông tin căn cứ trên cơ sở, yêu cầu quản lý rủi ro đối với các khoản cấp tín dụng.

- Để bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, Luật năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD, cụ thể:

+ Về giới hạn cấp tín dụng (Điều 136): Luật năm 2024 sửa đổi, bổ sung quy định về giới hạn cấp tín dụng tại ngân hàng thương mại giảm dần trong lộ trình 05 năm từ ngày Luật có hiệu lực thi hành đến 10/01/2029, mỗi năm giảm 01% đối với giới hạn cấp tín dụng cho một khách hàng và 02% đối với giới hạn cấp tín dụng cho một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó, đảm bảo đến

ngày 01/01/2029, giới hạn cấp tín dụng là 10% đối với một khách hàng, 15% đối với một khách hàng và người có liên quan. Quy định này nhằm hạn chế rủi ro tập trung tín dụng vào một nhóm khách hàng lớn, đồng thời cũng tăng thêm cơ hội tiếp cận tín dụng cho các khách hàng khác của TCTD.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần; bổ sung trường hợp không được góp vốn, mua cổ phần của TCTD, công ty con của TCTD. Cụ thể, bổ sung quy định TCTD, công ty con của TCTD không được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, TCTD khác là cổ đông, thành viên góp vốn của TCTD đó; doanh nghiệp, TCTD khác là người có liên quan của cổ đông lớn, thành viên góp vốn của TCTD đó.

+ Đối với TCTD, công ty con của TCTD có các khoản góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, TCTD khác quy định tại khoản 5 Điều 137 trước ngày Luật có hiệu lực thi hành, Luật năm 2024 quy định chuyển tiếp, giao TCTD, phải xây dựng và thực hiện lộ trình để bảo đảm tuân thủ các quy định tại Luật năm 2024 theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế, để TCTD luôn sẵn sàng các phương án xử lý cho các trường hợp có vấn đề phát sinh, Luật năm 2024 đã bổ sung quy định yêu cầu ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong các trường hợp bị can thiệp sớm. Phương án khắc phục phải được xây dựng, thông qua trước ngày 01/7/2025 hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép. Định kỳ ít nhất 02 năm, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải cập nhật, điều chỉnh phương án khắc phục để đảm bảo phù hợp với thực tiễn hoạt động của TCTD.

3. Hoàn thiện quy định về dịch vụ ngân hàng qua phương tiện điện tử và xây dựng khung pháp lý cho việc thử nghiệm ứng dụng công nghệ và triển khai các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong hoạt động ngân hàng, tạo nền tảng cho việc ứng dụng các công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0

- Luật năm 2024 bổ sung quy định để tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai hoạt động ngân hàng qua phương tiện điện tử như: quy định về trách nhiệm xây dựng, ban hành quy định nội bộ đối với hoạt động nghiệp vụ của TCTD, bao gồm cả việc thực hiện hoạt động nghiệp vụ bằng phương tiện điện tử; quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng; có quy định riêng cho hoạt động cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử như quy định về xét duyệt cấp tín dụng, lưu trữ hồ sơ tín dụng; quy định trách nhiệm niêm yết thông tin của TCTD trong trường hợp ngừng giao dịch bằng phương tiện điện tử.

Luật năm 2024 bổ sung quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng theo hướng coi đây là môi trường thử nghiệm việc ứng dụng công nghệ và triển khai sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực ngân hàng có giới hạn về phạm vi, không gian, thời gian thực hiện; tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát phải đáp ứng điều kiện, tiêu chí xét duyệt tham gia và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo đó Luật giao Chính phủ quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng, tạo cơ sở để Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn việc ứng dụng công nghệ và triển khai sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực ngân hàng.

4. Hoàn thiện các quy định nhằm tạo cơ sở thúc đẩy quá trình cơ cấu lại TCTD và xử lý TCTD yếu kém

- Luật năm 2024 thay đổi về cách tiếp cận đối với can thiệp sớm TCTD phù hợp với thông lệ quốc tế. Trên tinh thần từ xa, từ sớm, khi phát hiện các TCTD thuộc trường hợp can thiệp sớm, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi TCTD, trong đó nêu rõ các yêu cầu, hạn chế đối với TCTD này, bao gồm cả việc xây dựng, cập nhật phương án khắc phục để khắc phục các yếu kém phát sinh trong hoạt động của TCTD. Trường hợp TCTD thực hiện thành công phương án khắc phục và trở lại hoạt động bình thường, việc áp dụng các biện pháp hạn chế, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước cũng chấm dứt. Các trường hợp được can thiệp sớm cũng được rà soát, bổ sung so với Luật năm 2010.

- Luật năm 2024 đã bổ sung quy định về rút tiền hàng loạt, trong đó quy định rõ các biện pháp sẽ áp dụng khi một TCTD bị rút tiền hàng loạt, bao gồm các biện pháp tự thân của TCTD và các biện pháp hỗ trợ thanh khoản, đảm bảo an toàn hệ thống, đảm bảo quyền lợi người gửi tiền.

Trên cơ sở kế thừa Luật năm 2010, Luật năm 2024 quy định về kiểm soát đặc biệt và các phương án cơ cấu lại TCTD bao gồm phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án giải thể, phương án phá sản. Việc xây dựng, thực hiện các phương án cơ cấu lại TCTD được kiểm soát đặc biệt cũng đã được sửa đổi, bổ sung để xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh thời gian qua.

5. Luật hóa quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm là dự án bất động sản

Trên cơ sở tổng kết quá trình thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14, Luật năm 2024 đã luật hóa một số quy định về nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như:

- *Quy định về Nợ xấu:* Nợ xấu được áp dụng các quy định về xử lý nợ xấu

tại Luật, bao gồm: Nợ xấu của các TCTD bao gồm khoản nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán của TCTD, khoản nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Nợ xấu tổ chức mua, bán xử lý nợ xấu đã mua của TCTD nhưng chưa thu hồi được nợ.

- *Quy định về bán nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu:* Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ bán nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu công khai, minh bạch, theo quy định của pháp luật. Giá bán khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có thể cao hơn hoặc thấp hơn dư nợ gốc của khoản nợ xấu.

- *Quy định về mua, bán nợ xấu của tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu:* Luật quy định tổ chức mua bán, xử lý nợ được mua khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng theo giá trị thị trường hoặc mua bằng trái phiếu đặc biệt, được chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá thị trường theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được mua khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo giá trị thị trường. Tổ chức mua bán, xử lý nợ được bán nợ xấu cho pháp nhân, cá nhân và tổ chức mua bán, xử lý nợ được thỏa thuận với tổ chức tín dụng phân chia phần giá trị còn lại của số tiền thu hồi được từ khoản nợ xấu sau khi trừ giá mua và chi phí xử lý.

- *Quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán:* Trên cơ sở cân đối hài hòa lợi ích của các bên, Luật năm 2024 sửa đổi, bổ sung, quy định số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được phân chia theo thứ tự ưu tiên: Chi phí bảo quản tài sản bảo đảm; Chi phí thu giữ và chi phí xử lý tài sản bảo đảm; Án phí của bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm; Khoản thuế, lệ phí trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm đó gồm thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ; Nghĩa vụ nợ được bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ; Nghĩa vụ khác không có bảo đảm theo quy định của pháp luật.

- *Quy định về mua, bán khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai:* Bên mua khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà tài sản bảo đảm của khoản nợ đó là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai được quyền nhận thế chấp, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là tài sản bảo đảm của khoản nợ đã mua. Bên mua khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức

tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà tài sản bảo đảm của khoản nợ đó là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai được kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên nhận thế chấp. Tổ chức mua bán, xử lý nợ được đăng ký thế chấp khi nhận bổ sung tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của khoản nợ đã mua. Việc đăng ký biến động đất đai đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; việc đăng ký thế chấp đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- *Về xử lý tài sản bảo đảm là dự án bất động sản*: Luật năm 2024 bổ sung quy định về chuyển nhượng tài sản bảo đảm là dự án bất động sản để thu hồi nợ của TCTD, trong đó:

+ Đối với các hợp đồng bảo đảm được ký kết trước ngày Luật năm 2024 có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2024), để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, việc chuyển nhượng dự án bất động sản để xử lý tài sản bảo đảm được giảm bớt một số điều kiện so với pháp luật về kinh doanh bất động sản (cụ thể không phải tuân thủ các điều kiện: (i) Dự án đã có quy hoạch chi tiết được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về quy hoạch đô thị; (ii) Dự án, phần dự án chuyển nhượng đã hoàn thành việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư; (iii) Phải có giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai) (khoản 15 Điều 210).

+ Đối với các hợp đồng bảo đảm có tài sản bảo đảm là dự án bất động sản được ký kết sau ngày Luật năm 2024 có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2024), việc chuyển nhượng phải bảo đảm theo pháp luật về kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan về xử lý tài sản bảo đảm nhưng không phải áp dụng quy định về điều kiện chủ thể kinh doanh bất động sản đối với bên chuyển nhượng dự án bất động sản của Luật kinh doanh bất động sản (khoản 3 Điều 200).

6. Quy định chuyển tiếp

Để không làm xáo trộn ngay cơ cấu, tổ chức của TCTD, các hợp đồng giao dịch đã ký kết với khách hàng trước ngày 01/7/2024, Luật năm 2024 có quy định chuyển tiếp cho phép được tiếp tục duy trì nhân sự chưa đủ điều kiện theo Luật năm 2024 đến hết nhiệm kỳ, duy trì các hợp đồng, giao dịch đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng; trường hợp sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo phù hợp với Luật năm 2024, cụ thể:

- Quy định chuyển tiếp cho các hợp đồng, giao dịch, thỏa thuận được ký kết trước ngày 01/7/2024, TCTD và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với quy định của Luật năm 2024.

- Quy định chuyển tiếp cho một số trường hợp đang áp dụng quy định của Nghị quyết 42/2017/QH14 nhưng không luật hóa tại Luật năm 2024, đảm bảo quá trình xử lý nợ xấu không bị gián đoạn, cụ thể: (i) Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là dự án bất động sản đã được thu giữ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng hoặc đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng theo quy định tại Điều 10 của Nghị quyết số 42/2017/QH14 trước ngày Luật năm 2024 có hiệu lực thi hành mà đến ngày 01/7/2024 chưa xử lý xong thì được tiếp tục áp dụng quy định tại Điều 10 của Nghị quyết số 42/2017/QH14 từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 cho đến khi xử lý xong. Lãi dự thu đã ghi nhận của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng chưa thoái theo quy định, chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán khoản nợ xấu và số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản nợ này đang được phân bổ theo quy định tại Điều 16 của Nghị quyết số 42/2017/QH14 được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Nghị quyết số 42/2017/QH14 từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 cho đến hết ngày 14 tháng 8 năm 2027.

- Quy định chuyển tiếp cho người quản lý, người điều hành và chức danh khác của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được bầu, bổ nhiệm trước ngày 01/7/2024 mà không đáp ứng quy định tại Điều 41, 42 và 43 của Luật năm 2024 được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

+ Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng được bầu trước ngày 01/7/2024 mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 69 của Luật được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

+ Đến ngày 01/7/2024, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có số lượng thành viên Hội đồng thành viên vượt quá số lượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 73 của Luật phải điều chỉnh để bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 73 của Luật trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

+ Đến ngày 01/7/2024, Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44

của Luật năm 2010 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp ngân hàng thương mại bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.

- Quy định chuyển tiếp cho trường hợp cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 63 của Luật kể từ thời điểm Luật năm 2024 có hiệu lực thi hành được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của Luật năm 2024, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

Riêng đối với tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một cổ đông lớn, một cổ đông và người có liên quan tại ngân hàng thương mại thực hiện nhiệm vụ phục vụ quốc phòng vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 63 của Luật trước ngày 01/7/2024 thì được tiếp tục duy trì tỷ lệ sở hữu cổ phần phù hợp với quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 55 của Luật năm 2010.

- Đối với các trường hợp cơ cấu lại, quy định chuyển tiếp cho từng trường hợp, cụ thể:

+ TCTD được kiểm soát đặc biệt đã được quyết định chủ trương cơ cấu lại trước ngày 01/7/2024 và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 10 Điều của Luật thì việc điều chỉnh chủ trương, xây dựng, phê duyệt phương án cơ cấu lại được thực hiện theo quy định tại các mục 1, 1b, 1c, 1d, 1đ và 1e Chương VIII của Luật năm 2010 về điều chỉnh chủ trương, xây dựng, phê duyệt phương án. Phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt trước ngày 01/7/2024 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt. Việc sửa đổi, bổ sung phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt thực hiện theo quy định của Luật năm 2024.

+ Đối với tổ chức tín dụng đã bị thu hồi Giấy phép hoặc không phát sinh hoạt động ngân hàng trong thời gian 12 tháng liên tục trước ngày 01/7/2024 thực hiện như sau: (i) Tổ chức tín dụng thuộc trường hợp giải thể theo quy định tại Điều 202 của Luật thì thực hiện giải thể theo quy định của Luật và quy định khác của pháp luật có liên quan; (ii) Tổ chức tín dụng không thuộc trường hợp giải thể theo quy định tại Điều 202 của Luật thì thực hiện phá sản theo quy định tại Điều 203 của Luật và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Tổ chức tín dụng đang thực hiện theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 01/7/2024 được tiếp tục thực hiện theo phương án đã được quyết định cho đến khi hoàn thành phương án, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 210 của Luật.

+ Quy định chuyển tiếp cho trường hợp TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được cấp phép thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán, thư tín dụng trước ngày 01/7/2024 được thực hiện các nghiệp vụ quy định tại điểm đ và điểm e khoản 3 Điều 107, điểm e khoản 1 Điều 114, khoản 6 Điều 115, điểm đ khoản 1 Điều 119, điểm a khoản 1 Điều 120 và điểm g khoản 1 Điều 124 của Luật năm 2024 mà không phải sửa đổi, bổ sung Giấy phép./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo)
- Các Ban Đảng TU, VP TU;
- UBKT Tỉnh uỷ;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền).

để
tuyên
truyền

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG